



BẢN TIN THAN NGÀY

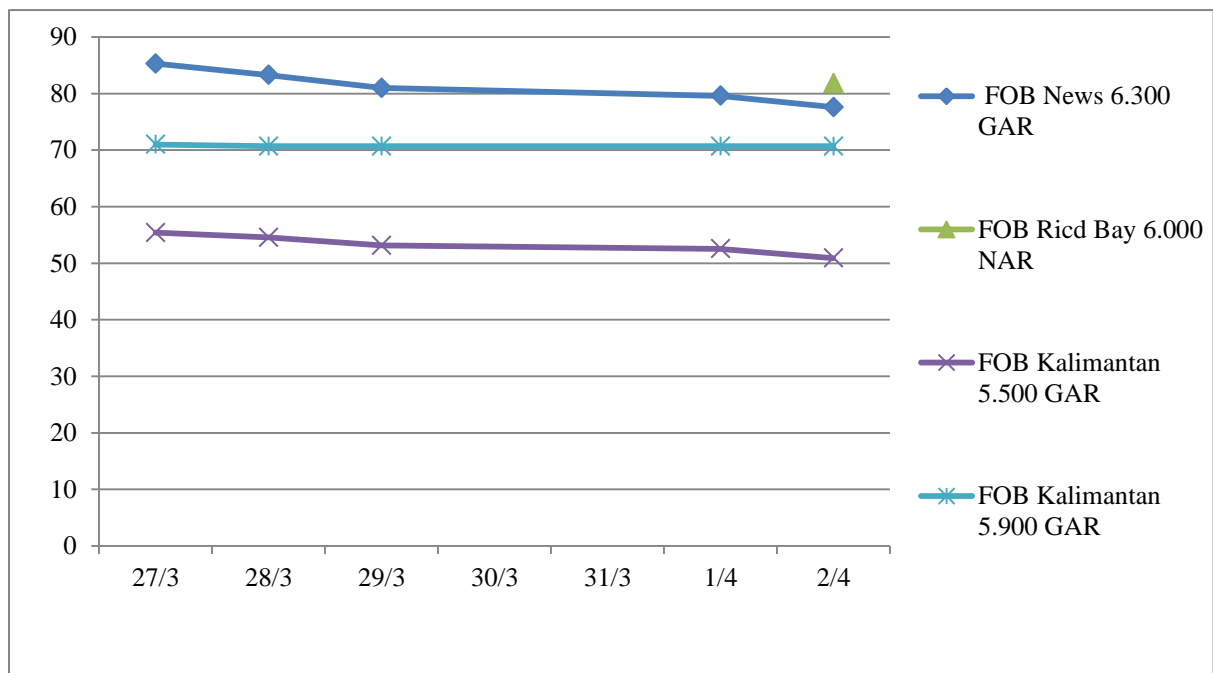
Ngày 8/4/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	77,60	+0,50	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	81,85	+0,15	N/A	N/A
FOB Richard Bay 5.500 NAR	N/A	N/A	50,90	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	70,70	N/A

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	44,40	+1,00	297,32	+7,18
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	60,70	-0,10	406,47	+0,00
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	64,75	+0,25	433,59	+2,38

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 2/4/2019)

DIỂM TIN

Lượng than nhập khẩu của Ấn Độ từ tháng 4/2018 đến tháng 2/2019 đạt 212 triệu tấn

Lượng than nhập khẩu của Ấn Độ trong giai đoạn từ tháng 2 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 đã tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước lên mức 212,11 triệu tấn. Số liệu trên đưa ra khi chính phủ tìm cách kéo dài thời gian thực hiện chỉ tiêu 1 tỷ tấn than đã đặt ra trước đó cho Coal India (công ty sản xuất hơn 80% sản lượng than trong nước). Ấn Độ đã sản xuất 196,59 triệu tấn than trong giai đoạn tháng 2/2017 đến tháng 4/2018, theo báo cáo của mjunction. “Trong giai đoạn tháng 4/2018 đến tháng 2/2019, lượng than cốc và các loại than khác nhập khẩu đạt 212,11 triệu tấn, cao hơn 7,89% so với 196,59 triệu tấn được ghi nhận trong cùng kỳ năm trước”. Lượng than nhập khẩu trong tháng 2 đạt (ước tính) 18,31 triệu tấn, thấp hơn so với 21,15 triệu tấn trong tháng 1 năm 2019.

Lượng than và cốc nhập khẩu trong tháng 2 đạt 15,98 triệu tấn. “Lượng than cốc nhập khẩu giảm nhẹ trong tháng 2, chủ yếu cho giá than cố định và triển vọng kém khả quan của ngành thép Ấn Độ. Mức tiêu thụ thép của ngành xây dựng và sản xuất oto cũng giảm, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng. “Chào bán cho các loại than khác ngoài cốc cũng giảm nhẹ trong tháng qua tại một số thị trường, điều này khiến nhu cầu nhập khẩu không thay đổi nhiều”, MD và CEO của mjunction, ông Vinaya Varma cho biết. Mjunction- là công ty liên danh giữa Tata Steel và Sail- công ty thương mại điện tử và phát hành các báo cáo về than và thép. Trong tổng lượng nhập khẩu trong tháng 2 năm 2019, các loại than khác ngoài cốc đạt 13,86 triệu tấn, thấp hơn 14,59 triệu tấn trong tháng 1/2019.

Các kiểm tra an toàn mỏ tại Trung Quốc dấy lên nỗi lo về gián đoạn nguồn cung cấp than

Các cơ quan giám sát an toàn mỏ tại Trung Quốc đã ban hành các đợt kiểm tra trong cuối tuần qua tại các mỏ “nguy hiểm cao” sau khi xảy ra một số tai nạn gần đây, từ đó dấy lên nỗi lo nguồn cung cấp than nhiệt có thể bị ảnh hưởng trong tương lai gần. Cơ quan Quản lý An toàn Quốc gia đưa ra yêu cầu trên theo thông báo của Chính quyền Bắc Kinh trong tuần trước (29/3), sau khi một vụ nổ lớn xảy ra tại nhà máy hóa chất tại miền Đông Trung Quốc. Các cuộc kiểm tra sẽ bắt đầu ngay lập tức và kéo dài tới tháng 6. Một vụ cháy rừng xảy ra tại tỉnh Sơn Tây vào thứ 6 (29/3) cũng dấy lên nỗi lo ngại có thể ảnh hưởng đến sản lượng than tại các mỏ trong khu vực sản xuất than lớn của Trung Quốc. Theo Xinhua, đám cháy kéo dài hai ngày và đã được kiểm soát. Theo cập nhật báo chí trong tối thứ 2 (1/4), chính quyền tỉnh Sơn Tây, Thẩm Nguyên đã yêu cầu chín mỏ và chín nhà máy hóa chất nguy hiểm đóng cửa sau thảm họa trên. Không có thông tin chi tiết về các mỏ than bị đóng cửa báo cáo.

Giá than nhiệt trong hợp đồng tương lai của Trung Quốc trong tháng 5 đã tăng khoảng 2% lên mức 606 NDT/tấn trong thứ 2 (1/4) trên sàn giao dịch Châu Á. Giá than nội địa giao theo chuyển, đã giảm trong hai tuần trở lại đây, không bị ảnh hưởng nhiều. Mặc dù vậy, giá than được dự kiến sẽ ổn định và có thể tăng nhẹ sau thông tin các mỏ than sẽ được kiểm tra. S&P Global Platts dự kiến giá than nội địa 5.500 kcal/kg NAR ở quanh mức 622 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinhuangdao vào thứ 6 (29/3), không thay đổi so với thứ 5 (28/3).

Sản lượng than của Coal India năm tài chính 2018-2019 lần đầu vượt mức 600 triệu tấn

Sản lượng than của Coal India trong năm tài khóa 2018-2019 đã đạt mức 606,9 triệu tấn, ghi nhận lần đầu tiên công ty này đạt sản lượng hơn 600 triệu tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước, theo một báo cáo đưa ra vào thứ 2 (1/4). Sản lượng của CIL trong tháng 3 đạt 79,20 triệu tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Lượng than trong hợp đồng bao tiêu đạt 608,1 triệu tấn trong năm tài khóa kết thúc vào tháng 3/2019, cao hơn 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Lượng than trong hợp đồng bao tiêu trong tháng 3 năm 2019 đạt 59,60 triệu tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Lượng than cung cấp cho ngành điện trong giai đoạn tháng 4/2018 đến tháng 3/2019 đạt 488 triệu tấn, thấp hơn so với con số 454 triệu tấn cùng kỳ năm trước, ghi nhận mức tăng trưởng 7,4%. Số lượng toa tàu hỏa chở than cung cấp cho ngành điện trong giai đoạn này tăng 11% trong so với năm trước. CIL xếp trung bình 255,6 toa than/ngày cho các NMMĐ tính đến ngày 31/3, cao hơn so với 229,8 toa/ngày cùng kỳ năm trước. Lượng than dự trữ tại các mỏ của CIL đạt 54 triệu tấn tính đến ngày 31/3. Lượng than dự trữ tại các NMNĐ và mỏ than đạt 84,41 triệu tấn, đủ để cung cấp cho nhu cầu của cả nước.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	5,55	-0,20
	Queensland	Nhật Bản	6,05	-0,20
	New South Wales	Hàn Quốc	6,90	-0,20
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,90	+0,40
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	7,70	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,05	+0,45
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,35	+0,00
	Australia	Trung Quốc	10,60	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,80	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 02/04/2019)